

Số: /QĐ-UBND

Như Xuân, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân,
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch nông thôn; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ văn bản số số 6039/SXD-QH ngày 23/8/2021 của Sở Xây dựng v/v ý kiến về hồ sơ đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 04/8/2021 của UBND xã Cát Tân và văn bản số 119/TĐ-KTHT ngày 01/9/2021 của phòng Kinh tế và Hạ tầng báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân, huyện Như Xuân đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, gồm các nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

- Phạm vi nghiên cứu Quy hoạch: toàn bộ địa giới hành chính xã Cát Tân.
Diện tích toàn xã: 1.589,9 ha. (15,90 km²):

- Ranh giới lập Quy hoạch chung xây dựng xã:
- + Phía Đông Bắc giáp xã Thượng Ninh.
- + Phía Đông Nam giáp thị trấn Yên Cát;
- + Phía Tây Nam giáp xã Cát Vân, xã Hóa Quý;
- + Phía Tây Bắc giáp huyện Thường Xuân.
- Tổng dân số hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch: 2.990 người.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

2.1. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị Quyết được đại hội Đảng bộ huyện Như Xuân và đại hội Đảng bộ xã Cát Tân đề ra.

- Cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá và huyện Như Xuân đã được phê duyệt.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thời kỳ 2021 - 2030; Phát triển nông thôn bền vững trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và mang bản sắc văn hóa vùng miền, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

- Đảm bảo các yêu cầu, tiêu chí để hoàn thành mục tiêu xây dựng xã Nông thôn mới.

- Làm cơ sở pháp lý xây dựng các chương trình đầu tư, kế hoạch phát triển, quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân nhằm tạo tiền đề và cơ sở pháp lý hoạch định và quản lý sự phát triển của xã trong giai đoạn 2020-2030, phân kỳ giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030 theo định hướng đúng đắn, phù hợp, thu hút đầu tư các nguồn lực để xây dựng và phát triển xã Cát Tân theo các tiêu chí xã Nông thôn mới và hướng tới xã nông thôn mới nâng cao.

2.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

- Là đơn vị hành chính cấp xã;
- Kinh tế chủ đạo là Nông, Lâm nghiệp kết hợp, phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Dự báo quy mô dân số:

Đến năm 2030 là 3.300 người, trong đó:

- Dân số hiện trạng: 2.990 người;
- Dân số phát triển mới khoảng: 310 người;

3.2. Dự báo quy mô lao động đến năm 2030

- Lao động CN, TTCN : 2.000 Lao động (1)

Trong đó:

+ Lao động trong khu CN – làng nghề : 1.800 (100 Lao động/1ha);

+ Thu hút lao động tại xã khoảng 25% : 360 Lao động.

- Lao động khối cơ quan sự nghiệp : 100 Lao động (2)

- Lao động khối thương mại - dịch vụ : 500 Lao động (3)

- Lao động ngành nông, lâm nghiệp : 640 Lao động (4)

Tổng lao động (1) + (2) + (3) + (4) = 3.240 Lao động

3.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Tuân thủ theo Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 3/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020.

4. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã:

4.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản.

a/ Vị trí, quy mô:

Các công trình công cộng, trụ sở cơ quan đã xây dựng cần được chỉnh trang, cải tạo, mở rộng diện tích để tạo bộ mặt kiến trúc công trình hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển sau này, tăng tỷ lệ vườn hoa, cây xanh, trong khuôn viên...

- Công sở xã Cát Tân: Đã được đầu tư xây mới gồm các hạng mục Trụ sở làm việc, hội trường - Nhà văn hóa... Trong kỳ quy hoạch tới cần được chỉnh trang, nâng cấp trang thiết bị cùng các hạng mục công trình công cộng khác có liên quan (Trung tâm văn hóa xã, khu vui chơi, nhà thi đấu, Bưu điện, đài tưởng niệm liệt sĩ...), đưa vào bố trí sử dụng các phòng làm việc chức năng phù hợp. Diện tích khoảng: 0.59 ha.

- Trạm y tế: Diện tích trạm y tế xã hiện nay đủ theo tiêu chuẩn, do đó vẫn giữ nguyên vị trí cũ với diện tích 0.32ha. Đầu tư trang thiết bị đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao vào năm 2021.

- Công an, quân sự: Xây dựng mới Trụ sở Công an xã, Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã bố trí khuôn viên tại trung tâm xã đối diện Công sở xã trên trục Đường QL45(kéo dài) - Đường tỉnh 520D. Diện tích: 0.31ha. Quy hoạch 01 khu đất quân sự theo yêu cầu Quốc phòng chiến lược tại thôn Phụ Vận. Diện tích khoảng 30 ha.

- Đất giáo dục cấp xã: ổn định vị trí trường Tiểu học, THCS và trường Mầm non xã và các khu lẻ (tiểu học và mầm non) tại vị trí hiện nay; Quy hoạch cải tạo chỉnh trang đáp ứng tiêu chuẩn ngành và đáp ứng các yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Tổng đất giáo dục cấp xã là: 2.19ha.

- Đất Văn hóa - TDTT:

+ Xây dựng mới trung tâm thể dục thể thao tại khu trung tâm xã phục vụ hoạt động luyện tập, thi đấu phong trào, là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa - Thể thao của xã. Có quy mô sân bóng đá cơ bản. Diện tích khu đất: 1,35ha.

+ Khu công viên vui chơi, giải trí và nhà thi đấu đa năng giáp với sân vận động xã có diện tích 0,24ha

+ Xây dựng nhà văn hóa khu thể thao tại các thôn bao gồm nhà văn hóa, khu thể thao đảm bảo tiêu chí NTM. Tổng diện tích đất trung tâm văn hóa TT các thôn 1.35 ha.

+ Xây dựng mới khu Đài tưởng niệm liệt sỹ vị trí bên cạnh khu công sở xã. Diện tích 0,1 ha

b/ Định hướng Kiến trúc:

- Định hướng Kiến trúc công trình công cộng, dịch vụ: Phải phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của cộng đồng dân cư.

- Hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung. Một số công trình như nhà văn hoá, công sở xã, khu TDTT,... không những phải thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao mà cũng phải thể hiện kiến trúc đậm đà sắc thái tiêu biểu của địa phương.

4.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản cũ.

a. Các chỉ tiêu:

- Khu dân cư phát triển mới: Hình thành các khu dân cư mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển, đặc biệt tại khu vực trung tâm xã. Tổng diện tích đất ở tại nông thôn là: 62.44ha, trong đó đất ở hiện trạng là 55,53, đất ở mới là: 6.91ha. Mật độ xây dựng tối đa 80%; Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 2 lần.

- Dân cư hiện trạng: Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dần chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn bản theo tiêu chí thôn, bản nông thôn mới vào năm 2021, nông thôn mới nâng cao năm 2025. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các điểm có nguy cơ sạt lở..... được bố trí tái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

b. Hình thức kiến trúc các công trình nhà ở

- Hình thức kiến trúc các công trình xây dựng nhà ở phải hài hòa với tổng thể không gian chung toàn khu, chú ý khai thác yếu tố kiến trúc mang sắc thái địa phương; Khuyến khích thiết kế hài hoà với sân vườn và cảnh quan thiên nhiên và điều kiện khí hậu.

- Hàng rào công trình: Cao tối đa không quá 1.5m, không xây kín, yêu cầu thiết kế thoáng, khuyến khích sử dụng cây xanh để làm hàng rào.

- Vật liệu xây dựng của các công trình: Phù hợp với công năng sử dụng, khuyến khích sử dụng vật liệu sẵn có tại địa phương, vật liệu trang trí bề mặt công trình phải hài hòa với tổng thể không gian chung;

4.3. *Tổ chức các khu vực sản xuất:* (Tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề và phục vụ sản xuất nông nghiệp...) dịch vụ và các khu vực đặc thù khác.

a/ Hệ thống khu sản xuất, kinh doanh;

- Quy hoạch 01 khu đất sản xuất kinh doanh (Đất Công nghiệp - Làng nghề tập trung) trên đất rừng sản xuất tại thôn Cát Xuân. Nhằm thu hút đầu tư, tạo việc làm cho lao động địa phương. Đây là khu chế biến lâm sản, mộc gia dụng, nông sản, VLXD, vận tải...vv từ nguồn nguyên liệu tại địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và khu vực. Tổng diện tích đất sản xuất kinh doanh là: 18 ha.

- Ngoài ra, tại mỗi gia đình, có thể tổ chức sản xuất các ngành nghề truyền thống như: Dệt thổ cẩm, nấu rượu, đan lát, chế tác các vật dụng bằng tre, luồng..... quy mô nhỏ, phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đây được xem như là một sản phẩm du lịch cộng đồng.

5. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng.

5.1. Hệ thống trung tâm xã;

- Khu vực trung tâm xã được ổn định tại vị trí thôn Cát Xuân như hiện nay với hệ thống các công trình: Công sở xã; trạm Y tế; Trường tiểu học và THCS; Trường mầm non;

- Xây mới Trụ sở Công an, quân sự xã; Đài tưởng niệm Liệt sỹ, khu công viên vui chơi giải trí Trên trục Đường QL45(kéo dài) – Đường tỉnh 520D.

5.2. Hệ thống thôn, bản, các khu dân cư tập trung;

Đến năm 2025, ổn định cơ cấu xã Cát Tân với 05 thôn như hiện nay gồm: Thôn Cát Xuân, Cát Lợi, Thanh Vân Cát Thịnh, và thôn Phụ Vân.

- Các công trình hạ tầng xã hội: Nhà văn hóa thôn; khu thể thao... một số điểm trường Mầm non, Tiểu học... được bố trí phù hợp với tính chất, quy mô của từng thôn theo các định hướng về thôn, bản nông thôn mới quy định tại quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 21/08/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019 - 2020

- Dân cư hiện trạng: Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dân chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn bản theo tiêu chí thôn nông thôn mới vào năm 2021, nông thôn mới nâng

cao năm 2025. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật giao thông, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các điểm có nguy cơ sạt lở..... được bố trí tái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

- Khu dân cư phát triển mới: Hình thành các khu dân cư mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển, đặc biệt tại khu vực trung tâm xã và dọc tuyến giao thông mới. Các lô đất là đất trồng cây lâu năm, hàng năm, đất trồng lúa năng suất thấp, bấp bênh... Tổng diện tích 6,91 ha gồm 21 khu.

5.3. Hệ thống khu sản xuất;

- Quy hoạch 01 khu đất sản xuất kinh doanh (Đất Công nghiệp - Làng nghề tập trung) hiện nay là đất rừng sản xuất tại thôn Cát Xuân. Nhằm thu hút đầu tư, tạo việc làm cho lao động địa phương. Đây là khu chế biến Nông, lâm sản, mộc gia dụng, VLXD, vận tải...vv từ nguồn nguyên liệu tại địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và khu vực. Tổng diện tích đất sản xuất kinh doanh là: 18 ha.

- Ngoài ra, tại mỗi gia đình, có thể tổ chức sản xuất các ngành nghề truyền thống như: Dệt thổ cẩm, đan lát, chế tác các vật dụng bằng tre, luồng..... quy mô nhỏ, phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đây được xem như là một sản phẩm du lịch cộng đồng.

5.4. Các khu vực có khả năng phát triển,

Các khu đất cao, không bị ngập lụt, các khu vực đất xen kẹp hiện có trong các khu dân cư hiện trạng. Đặc biệt khu vực trung tâm xã (thôn Cát Lợi, Cát Xuân, dọc theo Đường QL45(kéo dài) – Đường tỉnh 520D nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất. Các khu vực đất trồng màu, đất lúa 1 vụ năng suất thấp, bấp bênh.

5.5. Các khu vực hạn chế phát triển; Các khu vực cấm xây dựng; khu đặc thù;

Gồm các khu vực thuộc đất Quốc phòng, hành lang mở rộng các tuyến giao thông và hạ tầng kỹ thuật; Hành lang thoát lũ, các khu vực ven suối. Hạn chế tối thiểu việc phát triển, xây dựng các công trình trên đất lúa 2 vụ. Đối với các khu vực này, tất cả các công trình dự kiến đầu tư xây dựng đều phải lập hồ sơ xin phép các cấp chính quyền theo quy định của Pháp luật.

5.6. Các các công trình đầu mới, kết nối hạ tầng.

- Bãi rác: Rác thải sinh hoạt sẽ được tập kết và vận chuyển về khu xử lý theo quy hoạch của huyện.

- Nghĩa địa: giai đoạn 2021-2025 ổn định các vị trí nghĩa trang hiện có tại các thôn trong xã. Giai đoạn 2026-2030 cả xã chỉ quy hoạch 1 nghĩa trang chung tại khu vực thôn Phụ Vân. Khuyến khích thực hiện hình thức hỏa táng.

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)			Ghi chú
		Hiện trạng	QH Đến 2025	QH Đến 2030	
1	2	3	4	5	6
Tổng diện tích đất quy hoạch		1.589,90	1.589,90	1.589,90	
1	Đất nông nghiệp	1.434,61	1.376,99	1.355,53	
1.1	Đất trồng lúa	104,72	100,72	96,72	Đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại, đất trồng lúa nương,
1.2	Đất trồng trọt khác	241,01	233,71	226,41	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm khác, đất bằng trồng cây hằng năm khác, đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác.
1.3	Đất rừng sản xuất	1.034,89	990,37	982,06	Đất rừng sản xuất
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	53,76	51,96	50,11	Đất nuôi trồng thủy sản
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,23	0,23	0,23	Đất nông nghiệp khác
2	Đất xây dựng	121,61	184,23	205,69	
2.1	Đất ở	55,35	58,80	62,26	Đất ở tại nông thôn
2.2	Đất công cộng	3,18	3,10	3,10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (chỉ tính đất các công trình phục vụ cấp xã); đất xây dựng cơ sở văn hóa (không bao gồm các công trình kinh doanh văn hóa) đất sinh hoạt cộng đồng; đất chợ, điểm bưu điện – văn hóa xã

2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,84	2,84	2,84	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (chỉ tính đất xây dựng các công trình phục vụ cấp xã); đất vui chơi, giải trí công cộng (trừ bãi tắm)
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,05	0,05	0,05	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, đất danh lam thắng cảnh; đất cơ sở tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề			18,00	Đất cụm công nghiệp, đất khu công nghiệp, đất khu chế xuất (nằm trên địa bàn xã), đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp,
2.6	Đất hạ tầng kỹ thuật	44,75	73,67	73,67	
2.6.1	Đất giao thông	39,5	68,42	68,42	
2.6.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,23	5,23	5,23	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng
2.6.3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,02	0,02	0,02	Đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính, viễn thông (trừ điểm bưu điện - văn hóa xã,) các công trình đầu mối phục vụ đời sống của người dân nông thôn như: cấp điện, cấp nước, thoát nước
2.7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	15,44	15,44	15,44	Đất thủy lợi; đất phi nông nghiệp khác (kho, trạm, trại...)
2.8	Đất quốc phòng, an ninh		0,31	0,31	Đất quốc phòng, đất an ninh
3	Đất khác	33,68	28,68	28,68	
3.1	Đất sông ngòi, kênh	20,65	20,65	20,65	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có

	ràch, suối & mặt nước chuyên dùng				mặt nước chuyên dùng, đất có mặt nước ven biển
3.2	Đất chưa sử dụng	13,03	8,03	8,03	Đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất:

6.1. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại (gồm 2 tuyến):

- Đường QL45(kéo dài) – Đường tỉnh 520D: Kết nối từ thị trấn Yên Cát đi xã Thanh Quân, l = 4,8km vừa là trục giao thông đối ngoại vừa là trục trung tâm xã có lộ giới theo quy mô quy hoạch là đường cấp III. Hành lang ATGT phạm vi cấm cọc từ tim đường ra mỗi bên 19,5m, áp dụng cho cả tuyến.

Mặt cắt 1- 1

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Mặt đường 9,0m; hè mỗi bên 2,0m . Hành lang ATGT phạm vi cấm cọc từ tim đường ra mỗi bên 19,5m, áp dụng cho cả tuyến.

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Mặt đường 9,0m; hè mỗi bên 2.0m. Hành lang ATGT phạm vi cấm cọc từ tim đường ra mỗi bên 19,5m, áp dụng cho cả tuyến.

- Tuyến Đường tỉnh (Cơ động QP): Cát Lợi đi Cát Thịnh đi huyện Thường Xuân l = 5.35km. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 19.5m, áp dụng cho cả tuyến.

Mặt cắt 4-4

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Mặt đường 7.5m; hè đường và rãnh thoát nước mỗi bên 2 m. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 19.5m, áp dụng cho cả tuyến.

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Mặt đường 7.5m; hè đường mỗi bên 2m; Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 19.5m, áp dụng cho cả tuyến.

b. Đường huyện: gồm 2 tuyến thiết kế đường nhựa:

- Tuyến Phụ Vân đi Thượng Ninh, l = 3.85km. QH là đường cấp IV miền núi. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 13,75m; áp dụng cho cả tuyến.

Mặt cắt 2-2

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Nền đường 7.5m; hè đường mỗi bên 1m. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 13,75m; áp dụng cho cả tuyến.

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Nền đường 7.5m; hè mỗi bên 1m; Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 13,75m; áp dụng cho cả tuyến.

- Tuyến Yên Cát đi Cát Vân (đi qua thôn Thanh Vân xã Cát Tân) QH đường

cấp V miền núi; $l = 2.55\text{km}$. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 13m; áp dụng cho cả tuyến.

Mặt cắt 3-3

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Nền đường 6.0m; hè đường mỗi bên 1m. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 13m; áp dụng cho cả tuyến.

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Nền đường 6.0m; hè đường mỗi bên 1m; Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 13m; áp dụng cho cả tuyến.

c. Đường xã: gồm 5 tuyến thiết kế đường nhựa

- Tuyến thôn Cát Xuân đi thôn Thanh Vân, $l = 2,00\text{km}$, mặt cắt 5-5, nền đường 5.0m; hè đường, rãnh thoát nước mỗi bên 1m-2m. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 7,5m; áp dụng cho cả tuyến.

- Tuyến thôn Cát Xuân đi thôn Thanh Vân, $l = 2,00\text{km}$, mặt cắt 5-5, nền đường 5.0m; hè đường, rãnh thoát nước mỗi bên 1m-2m. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 7,5m; áp dụng cho cả tuyến.

- Tuyến thôn Cát Lợi đi thôn Thanh Vân, $l = 1.3 \text{ km}$, mặt cắt 5-5, nền đường 5.0m; hè đường, rãnh thoát nước mỗi bên 1m-2m. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 7,5; áp dụng cho cả tuyến.

- Tuyến thôn Cát Xuân đi thôn Thanh Vân, $l = 3,00\text{km}$, mặt cắt 5-5, nền đường 5.0m; hè đường, rãnh thoát nước mỗi bên 1m-2m. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 7,5m; áp dụng cho cả tuyến.

- Tuyến từ Ông Hà đi Ông Trọng $l = 0,30\text{km}$, mặt cắt 5-5, mặt đường 5.0m; hè đường, rãnh thoát nước mỗi bên 1m-2m. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 7,5m; áp dụng cho cả tuyến.

d. Đường thôn: Gồm 33 tuyến, tổng chiều dài 9,9km

Hành lang ATGT chung cho các tuyến từ tim đường ra mỗi bên 6,75m.

Mặt cắt 6-6: Mặt đường 3.5 m; hè đường mỗi bên 1m-1.5m

đ. Đường nội đồng: Gồm 4 tuyến chính, tổng chiều dài 1,16km

Hành lang ATGT chung cho các tuyến từ tim đường ra mỗi bên 6,75m.

Mặt cắt 6-6: Mặt đường 3.5 m; hè đường mỗi bên 1m-1.5m

Tổng diện tích đất giao thông: 68,42 ha

<> Kết cấu mặt đường:

Các tuyến đường sẽ được bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Cụ thể được lựa chọn đối với từng dự án cụ thể.

6.2. Giải pháp san nền – thoát nước mưa:

a. San nền

- Đảm bảo khớp nối các khu vực có liên quan, đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình.
- Đảm bảo kết nối giao thông đi lại thuận tiện, an toàn;
- Thuận lợi cho việc thoát nước nhanh và không gây xói lở nền đường nền công trình; không gây ngập úng cục bộ cho các khu vực lân cận;
- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp và ít tác động nhất đến cảnh quan thiên nhiên.
- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tối thiểu 0,4% đảm bảo cho nước mặt tự chảy.
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng thấp nhất
- Các tuyến đường quy hoạch mới sẽ có cao độ phù hợp với cao độ hiện trạng các tuyến đường hiện có.

b. Thoát nước mưa:

- Trên cơ sở rà soát hệ thống thoát nước của khu vực; tận dụng tối đa các công trình thoát nước hiện có.
- Bổ sung mạng lưới mương hở, mương nắp đan chạy dọc theo hệ thống đường giao thông thu nước từ các sườn đồi, sườn dốc và nền của các công trình thoát ra công ngang đường được đặt tại các vệt tụ thủy sau đó thoát ra hệ thống khe, suối nhỏ hiện có rồi được thoát về các suối trong khu vực.
- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo 100% nước mặt được thoát hết; Không để xảy ra hiện tượng ngập lụt cục bộ trong khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.
- Mạng lưới thoát nước được bố trí phân tán để giảm tiết diện cống, giảm chiều sâu chôn cống.
- Hệ thống thoát nước dùng hệ thống rãnh nắp đan và mương hở có kích thước B400-B1000. Một số cống đặt tại vị trí công ngang đường sử dụng cống hộp B1000 –B2000.

6.3. Định hướng hệ thống cấp nước.

- Do điều kiện địa hình tương đối phức tạp, đối với Cát Tân sử dụng nguồn nước mặt khe suối, nước từ các hồ đập và nước ngầm được xử lý để cấp nước cho sinh hoạt cho từng thôn và sản xuất.
- Dự kiến toàn xã đến 2025, 45% dân được sử dụng nước sạch được lấy từ nhà máy nước xây dựng tại xã Cát Vân.
- Quy hoạch lựa chọn vị trí thích hợp đặt hệ thống mạng lưới cấp nước cho từng thôn được xác định cụ thể khi lập dự án.
- Khu công nghiệp làng nghề được cấp theo dự án riêng.

- Các tuyến ống dùng ống nhựa HDPE kết hợp ống uPVC. Đường kính ống thiết kế từ D25-D75.

- Độ sâu chôn ống tối thiểu 0,5m tính từ đỉnh ống; đường ống được chôn trong hành lang kỹ thuật của các tuyến đường hoặc qua các khu vực khác thì cần có chỉ dẫn, cảnh báo.

- Nhu cầu dùng nước tối đa trong vòng 1 ngày đêm của xã Cát Tân làm tròn: 822,00m³/ng.đ.

6.4. Định hướng thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Thoát nước thải:

<> Đối tượng thoát nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: xây dựng các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn quy định, nước thải được xả ra môi trường sau khi đã được xử lý hợp vệ sinh qua bể tự hoại và thoát ra hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với khu vực đất dịch vụ thương mại và cơ sở kinh doanh sản xuất phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng biệt. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn được thải ra hệ thống thoát nước mưa, hoặc tận dụng tưới cây,.....

b. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc người dân sẽ tự vận chuyển rác đến khu vực gom rác để tập kết. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn và rác xử lý từ các thùng rác này vận chuyển đến bãi chôn lấp và xử lý rác tập trung theo quy hoạch của huyện Như Xuân.

- Kích thước các thùng rác công cộng có kích thước từ 60 lít đến 660 lít, đặt dọc theo các trục giao thông hoặc các khu vực công cộng với khoảng cách giữa các thùng từ 50 - 100m.

6.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

a. Nguồn cung cấp điện: Nguồn điện cấp cho xã được cấp từ đường điện trung áp 35Kv hiện có.

b. Lưới điện trung áp:

- Các tuyến điện trung áp 35KV sẽ được cải dịch một số vị trí cột qua khu trung tâm xã.

- Xây dựng mới tuyến điện trung áp 35KV đấu nối từ đường dây 35kv cấp điện cho trạm biến áp Cát Tân 06 xây dựng mới phục vụ nhu cầu dân cư khu vực phía nam thôn Cát Xuân và thôn Thanh Tân.

c. Trạm biến áp:

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của khu vực nghiên cứu đề xuất xây dựng mới 02 trạm biến áp công suất 50KVA-35/0,4; 1 trạm phục vụ nhu cầu dân cư khu vực phía nam thôn Cát Xuân và thôn Thanh Tân; 1 trạm phục vụ cho thôn

Phụ Vân. Đề nghị chuyển trạm Cát Tân 3 (Phụ Vân) lùi về thôn Cát Lợi để đảm bảo bán kính cấp điện cho các phụ tải ≤ 800 ,m.

- Đối với 05 trạm biến áp hiện có đề xuất nâng cấp công suất cung cấp điện cho khực dân cư, công trình hiện hữu và các công trình phát triển mới.

- Cụ thể nâng cấp công suất trạm biến áp hiện có như sau:

STT	TRÊN TRẠM BIẾN ÁP	CÔNG SUẤT HIỆN TRẠNG (KVA)	CÔNG SUẤT NÂNG CẤP (KVA)
1	Cát Tân 01	180	180
2	Cát Tân 02	100	180
3	Cát Tân 03 (Cải dịch)	50	50
4	Cát Tân 04	50	50
5	Cát Tân 05	100	100
6	Cát Tân 06 - xây dựng mới		50
7	Cát Tân 07 - xây dựng mới		50
	Tổng công suất		660

d. Điện chiếu sáng:

- Điện cấp cho khu CN - làng nghề được lắp đặt tính toán do chủ đầu tư.

- Chiếu sáng: xây dựng hệ thống chiếu sáng đến các ngõ xóm, thôn.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

7.1. Các dự án ưu tiên đầu tư

Trong giai đoạn trước mắt cần tập trung cao độ phấn đấu về đích chuẩn nông thôn mới trong cuối năm 2021.

- Về giao thông.

Còn lại 4,2 km đường liên thôn, 0,86 km đường ngõ xóm và 0,3km đường nội đồng sẽ triển khai thực hiện trong quý 3 năm 2021. Kinh phí thực hiện từ nguồn khuyến khích phát triển giao thông nông thôn, nguồn hỗ trợ xi măng của huyện và nhân dân đóng góp.

- Về thủy lợi.

Trong năm 2021 xã được đầu hỗ trợ cải tạo, sửa chữa và nâng cấp đập Cây Phay và 2km kênh mương, tổng mức đầu tư của nhà nước 8,9 tỷ đồng, đã thi công công trình.

- Về cơ sở vật chất văn hóa.

+ Hoàn thiện khu thể thao chung của xã có hệ thống rãnh thoát nước, tường rào bao quanh, trồng các cây xanh đảm bảo xanh sạch đẹp.

+ Nhà văn hóa thôn Cát Xuân đang xây dựng và hoàn thiện trong quý III năm 2021. Nguồn vốn: Hỗ trợ của UBND xã Cát Tân, vận động nhân dân thôn Cát Xuân đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác xây mới nhà văn hóa của thôn.

- Về Y tế.

+ Kế hoạch xây tường rào, lò đốt rác và vườn thuốc nam, hoàn thành trong quý II năm 2021. Phần đầu xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế (Nguồn vốn thực hiện theo phân bổ của HĐND huyện đầu năm 2021).

7.2. *Nguồn vốn:*

Vốn từ ngân sách, vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

8. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã.

8.1. *Tiến độ thực hiện*

- Đến năm 2021: hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới

- Giai đoạn 2021-2030: Tập trung đầu tư xây dựng theo các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Đến năm 2030: Hoàn thành chỉ tiêu xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao.

8.2. *Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch*

- Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao các sản phẩm của địa phương. Huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế; ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào phát triển kinh tế - xã hội, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ. Tiếp nhận các chương trình đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia về XDNTM của Chính phủ và các chương trình dự án khác.

- Quản lý tốt tài nguyên và làm tốt công tác bảo vệ môi trường. Tập trung quản lý tốt, khai thác, sử dụng hiệu quả, các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn. Tăng cường quản lý đất đai, không để xảy ra việc sử dụng đất sai mục đích trên địa bàn xã. Đẩy mạnh kiểm tra việc chấp hành luật bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường. Thu gom rác thải đổ đúng nơi quy định. Quy hoạch vùng sản xuất kinh doanh tập trung và xử lý hiệu quả chất thải trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng văn hóa; giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội; nâng cao đời sống nhân dân.

- Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a. UBND xã Cát Tân

- Phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng và các ngành liên quan tổ chức công bố rộng rãi quy hoạch chung xây dựng xã để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu quy hoạch được giao và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức nghiên cứu, lập các quy hoạch chi tiết, định vị tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính trên thực địa.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước.

b. Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các ngành chức năng liên quan: Chịu trách nhiệm hướng dẫn, quản lý theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chủ tịch UBND xã Cát Tân, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- UBND xã Cát Tân (05 bản);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Đồng